

Chương 1: Tài khoản Quốc gia và Cán cân Thanh toán

Mục tiêu

- Tìm hiểu các khái niệm và các mối liên hệ trong hệ thống tài khoản quốc gia
- Tìm hiểu nội dung của bảng cân cân thanh toán

Nội dung

- Tài khoản quốc gia
- Tài khoản vãng lai, mối liên hệ giữa tiết kiệm, đầu tư và cán cân tài khoản vãng lai
- Cán cân thanh toán
 - Nguyên tắc hạch toán bảng CCTT
 - Các tài khoản (nội dung) của bảng CCTT.

1. Tài khoản quốc gia

Tổng sản phẩm quốc gia (GNP)

- Tổng sản phẩm quốc gia (Gross National Product - GNP) là tổng giá trị của các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng do các yếu tố sản xuất của một nước tạo ra trong một thời kỳ nhất định.
- GNP là tổng giá trị thị trường của các hàng hóa tiêu dùng cuối cùng gồm tiêu dùng tư nhân, tiêu dùng của chính phủ, đầu tư và cán cân tài khoản vãng lai.

1. Tài khoản quốc gia

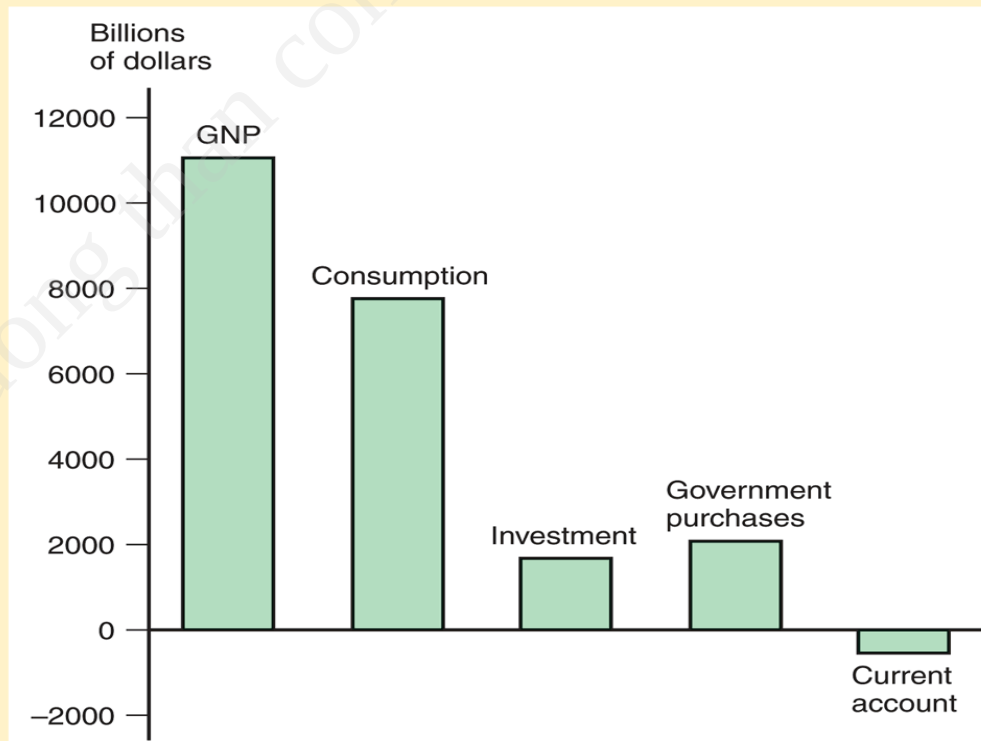
GNP của Mỹ

Figure 12-1

U.S. GNP and Its Components

America's \$11.1 trillion 2003 gross national product can be broken down into the four components shown.

Source: *Economic Indicators*, U.S. Government Printing Office, July 2004.



1. Tài khoản quốc gia

Sản phẩm quốc gia và thu nhập quốc gia

Sản phẩm quốc gia ngang bằng với thu nhập quốc gia vì tiền được sử dụng để mua hàng hóa và dịch vụ tạo ra thu nhập cho người bán.

Khi tính sản phẩm quốc gia cần lưu ý một số điểm như sau

- Chúng ta không tính đến giá trị các đầu vào sản xuất khi tính GNP.
- Giá trị các hàng hóa cũ không được tính đến khi tính GNP trong mỗi thời kỳ, vì giá trị các hàng hóa này đã được tính vào GNP của thời kỳ trước.

1. Tài khoản quốc gia

Thu nhập quốc gia và sản phẩm quốc gia

- Sản phẩm quốc gia ròng (Net National Product – NNP): NNP là GNP được điều chỉnh cho khấu hao và chuyển giao thu nhập ròng từ nước ngoài.
 - Khấu hao: khấu hao vốn làm giảm thu nhập của người sở hữu vốn và không được tính vào sản phẩm quốc gia ròng (net national product - NNP)
 - Chuyển giao thu nhập một chiều là một phần của thu nhập quốc gia nhưng không phải là sản phẩm quốc gia và không được tính vào NNP.

1. Tài khoản quốc gia

Tổng sản phẩm nội địa GDP

- Tổng sản phẩm nội địa (Gross National Product – GDP) là tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ sản xuất trong một nước trong một thời kỳ nhất định.
 - GDP bằng với GNP trừ đi thu nhập yếu tố sản xuất ròng từ nước ngoài.
 - Thu nhập yếu tố sản xuất ròng là thu nhập yếu tố sản xuất của các tổ chức và cá nhân thường trú từ nước ngoài trừ đi các khoản thanh toán về yếu tố sản xuất cho các tổ chức và các nhân thường trú nước ngoài.
 - $GDP = GNP - \text{Thu nhập yếu tố sản xuất từ nước ngoài} + \text{chi trả yếu tố sản xuất ra nước ngoài}$.

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

Đẳng thức thu nhập quốc gia cho một nền kinh tế đóng

- Trong một nền kinh tế đóng, không có hoạt động ngoại thương và toàn bộ thu nhập quốc gia được sử dụng để chi tiêu cho hàng tiêu dùng tư nhân, tiêu dùng chính phủ và đầu tư.
 - Tiêu dùng tư nhân: là phần GNP mà các cá nhân và hộ gia đình sử dụng để chi cho hàng hóa tiêu dùng.
 - Đầu tư: là phần của GNP được sử dụng để sản xuất các hàng hóa và dịch vụ trong tương lai. Đầu tư bao gồm đầu tư cố định và đầu tư tồn kho.
 - Tiêu dùng chính phủ: là chi tiêu của chính phủ cho các dịch vụ công như giáo dục, y tế, quản lý nhà nước, ANQP, ...

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

Đẳng thức thu nhập quốc gia cho một nền kinh tế đóng

- Đẳng thức thu nhập quốc gia trong một nền kinh tế đóng:

$$Y = C + I + G$$

Ở đây Y là thu nhập quốc gia (GNP); C là tiêu dùng tư nhân; I là đầu tư; và G là tiêu dùng chính phủ.

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

Đẳng thức thu nhập quốc gia cho một nền kinh tế mở I

- Trong một nền kinh tế mở, có các giao dịch kinh tế với nước ngoài:
 - Một phần nhu cầu tiêu dùng và đầu tư trong nước được đáp ứng bằng hàng hóa và dịch vụ sản xuất ở nước ngoài (nhập khẩu).
 - Một phần hàng hóa và dịch vụ sản xuất trong nước được sử dụng để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và đầu tư ở nước ngoài (xuất khẩu).
- Chúng ta sẽ trừ đi chi tiêu cho hàng nhập khẩu khi tính GNP vì các khoản chi tiêu này tạo ra thu nhập ở nước ngoài.
- Chúng ta sẽ cộng chi tiêu của nước ngoài cho hàng hóa xuất khẩu trong nước khi tính GNP.

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

Đẳng thức thu nhập quốc gia cho một nền kinh tế mở
II

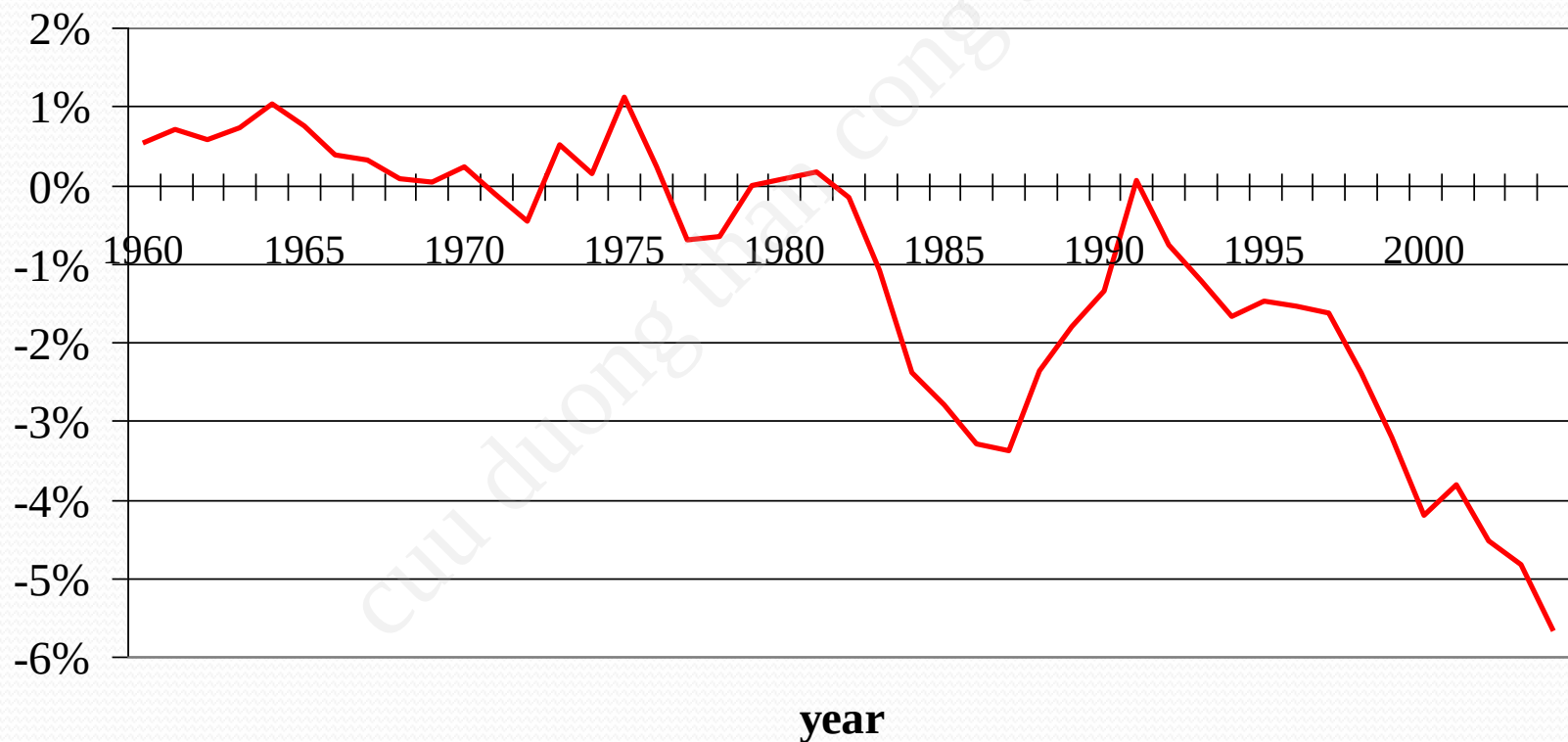
- Đẳng thức thu nhập quốc gia cho một nền kinh tế mở:

$$Y = C + I + G + EX - IM$$

Ở đây Y là thu nhập quốc gia; C, I và G tương ứng là tiêu dùng tư nhân, đầu tư và tiêu dùng chính phủ; EX là xuất khẩu và IM là nhập khẩu.

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

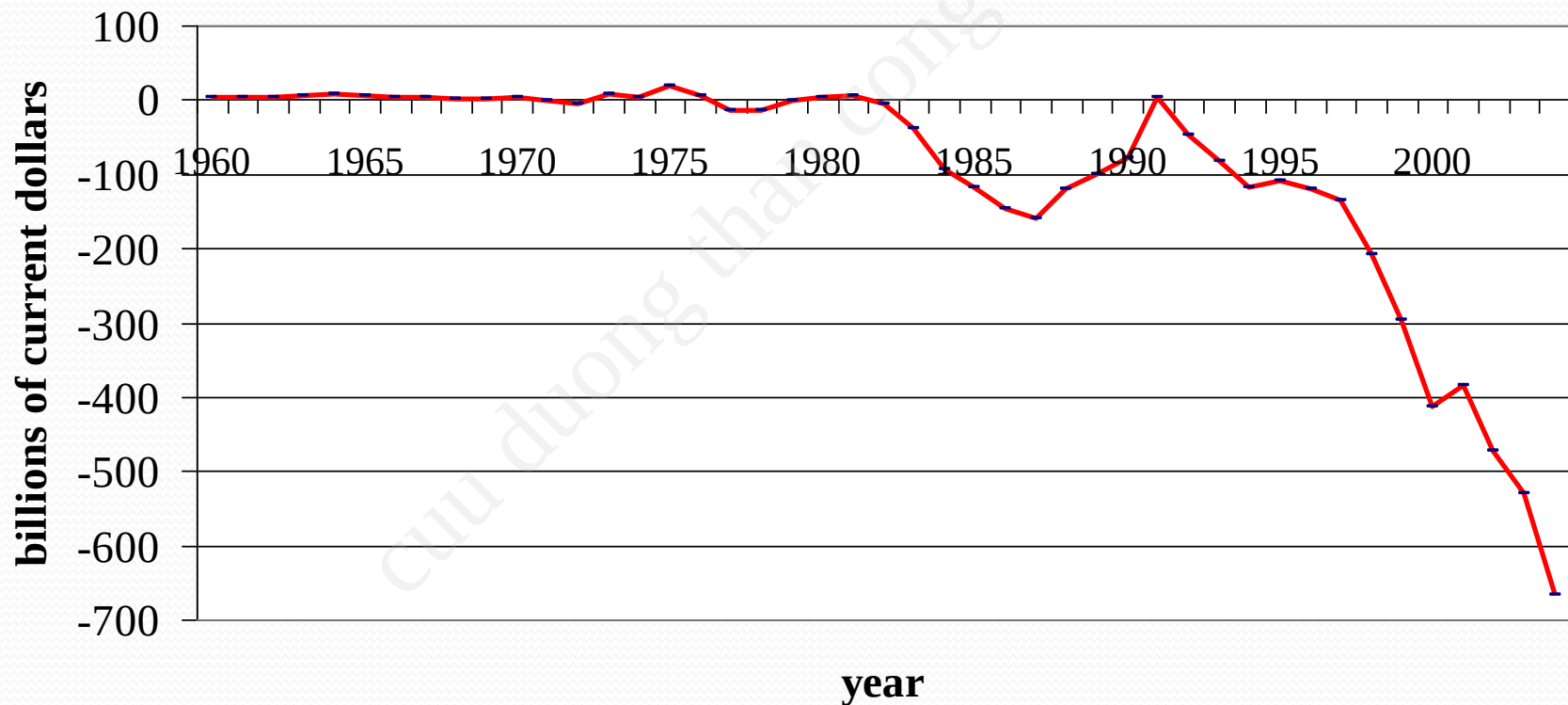
Cán cân Tài khoản vãng lai của Mỹ (% GDP)



Source: Bureau of Economic Analysis, US Department of Commerce

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

Cán cân Tài khoản vãng lai của Mỹ (tỷ đô-la)



Source: Bureau of Economic Analysis, US Department of Commerce

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

Cán cân tài khoản vãng lai

- Cán cân tài khoản vãng lai (TKVL) là chênh lệch giữa xuất khẩu của một nước trừ đi nhập khẩu hàng hóa dịch vụ của nước đó trong một thời kỳ nhất định:

$$CA = EX - IM$$

- Cán cân TKVL có thể có thặng dư hay thâm hụt:
 - Thặng dư: một nước có cán cân TKVL dương nếu xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu.
 - Thâm hụt: một nước có cán cân TKVL âm nếu xuất khẩu nhỏ hơn nhập khẩu.

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

Tài khoản vãng lai và nợ nần

- Thâm hụt TKVL thường làm tăng nợ nần của một nước, trong khi thặng dư TKVL làm giảm nợ nước ngoài của một nước.
 - Khi một nước có thâm hụt TKVL, nước này có thể phải vay mượn để bù đắp thâm hụt.
 - Khi một nước có thặng dư TKVL, nước này đang đầu tư hay cho vay ra nước ngoài.
- Cán cân TKVL của một nước ngang bằng với thay đổi ròng trong tài sản ở nước ngoài.

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

Tiết kiệm và đầu tư trong nền kinh tế đóng

- Tiết kiệm quốc gia là phần của thu nhập quốc gia không được sử dụng cho tiêu dùng tư nhân và tiêu dùng chính phủ.
- Trong một nền kinh tế đóng, tiết kiệm ngang bằng với thu nhập quốc gia trừ đi chi tiêu tiêu dùng tư nhân và tiêu dùng chính phủ.
 - $S = Y - C - G$
- Trong một nền kinh tế đóng, tiết kiệm ngang bằng với đầu tư
 - $S = I$

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

Tiết kiệm và đầu tư trong một nền kinh tế mở

- Một nền kinh tế mở có thể đầu tư bằng cách sử dụng tiết kiệm ở trong nước và tiết kiệm nước ngoài.
 - $S = I + CA$ or $I = S - CA$
- Thâm hụt TKVL được xem là một dòng vốn đầu tư nước ngoài ròng, hay tiết kiệm nước ngoài.
- Thặng dư TKVL được xem là một dòng vốn đầu tư ra nước ngoài ròng.

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

Tiết kiệm tư nhân và tiết kiệm chính phủ

- Tiết kiệm quốc gia gồm tiết kiệm tư nhân và tiết kiệm chính phủ.
- Tiết kiệm tư nhân S^P là phần thu nhập của hộ gia đình không được sử dụng cho tiêu dùng của hộ gia đình.
- Thu nhập khả dụng của hộ gia đình (Y^d) là tổng thu nhập quốc gia (Y) trừ đi thuế (T):
 - $S^P = Y^d - C = Y - T - C$

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

Tiết kiệm tư nhân và tiết kiệm chính phủ

- Tiết kiệm của chính phủ là chênh lệch giữa thu của chính phủ và chi tiêu dùng của chính phủ.
 - $S^g = T - G$
- Tiết kiệm quốc gia là tổng của tiết kiệm tư nhân và tiết kiệm của chính phủ
 - $S = S^p + S^g$

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

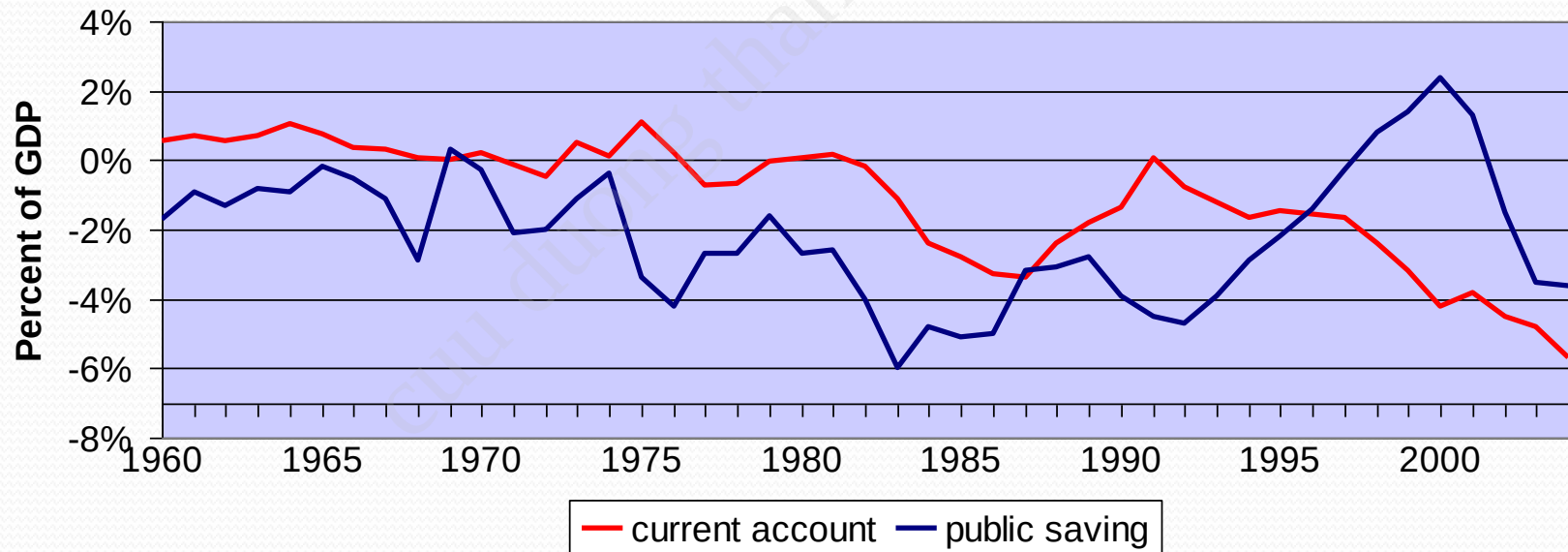
Tiết kiệm, đầu tư và TKVL

- Liên hệ giữa tiết kiệm tư nhân, tiết kiệm chính phủ, đầu tư và cán cân TKVL:
 - $S^P = I + CA + (G - T)$
 - Đẳng thức này cho thấy, tiết kiệm tư nhân có thể được sử dụng để đầu tư trong nước, mua các tài sản nước ngoài và bù đắp thâm hụt ngân sách của chính phủ.

2. Tài khoản vãng lai, tiết kiệm và đầu tư

Cán cân TKVL và thâm hụt ngân sách

US current account and public saving relative to GDP,
1960-2004



2. Tài khoản vaxg lai, tiết kiệm và đầu tư

Cán cân TKVL và thâm hụt ngân sách

- **Định lý Ricardo (Ricardian Equivalence)** về thuế và thâm hụt ngân sách: khi chính phủ cắt giảm thuế và thâm hụt ngân sách tăng, người tiêu dùng kỳ vọng thuế sẽ tăng trong tương lai và gia tăng tiết kiệm.
 - Ngược lại, khi chính phủ tăng thuế và giảm thâm hụt, người tiêu dùng sẽ giảm tiết kiệm.
 - Thay đổi trong thâm hụt ngân sách sẽ bị triệt tiêu bởi thay đổi trong tiết kiệm tư nhân.

3. Cán cân thanh toán

Khái niệm về bảng cán cân thanh toán

- Cán cân thanh toán là một bảng báo cáo thống kê ghi lại tất cả các giao dịch kinh tế giữa các tổ chức và cá nhân thường trú của một nước với các tổ chức và cá nhân không thường trú.

3. Cán cân thanh toán

Ghi nợ và ghi có

- Giao dịch kinh tế quốc tế làm phát sinh các khoản thu từ các tổ chức và cá nhân không thường trú và các khoản thanh toán cho các tổ chức và cá nhân không thường trú
 - Các khoản thanh toán hay chi trả cho các tổ chức và cá nhân không thường trú được ghi nợ, với dấu âm trong bảng cán cân thanh toán.
 - Các khoản thu từ các tổ chức và cá nhân không thường trú được ghi có với dấu dương trong bảng cán cân thanh toán.
- Nguyên tắc hạch toán kép: mỗi giao dịch kinh tế được ghi lại hai lần trong bảng cán cân thanh toán, một lần vào bên nợ với dấu trừ và một lần vào bên có với dấu cộng.

3. Cán cân thanh toán

Các dạng giao dịch kinh tế

- Giao dịch kinh tế với các tổ chức và cá nhân không thường trú được chia thành một số dạng sau:
- Giao dịch hàng đổi hàng:
- Trao đổi hàng hóa và dịch vụ với tài sản tài chính
- Trao đổi các dạng tài sản tài chính khác nhau
- Chuyển giao một chiều

3. Cán cân thanh toán

Ví dụ về nguyên tắc hạch toán kép

- Ví dụ 1: một người Mỹ mua một máy tính của một công ty Nhật. Công ty Nhật gửi khoản thu này vào một ngân hàng Mỹ. Giá của máy tính là 10000 USD.

	Ghi có	Ghi nợ
Mua máy tính (Mỹ nhập khẩu hàng hóa)		-1000
Bán tài sản của Mỹ ra nước ngoài (dòng vốn tài chính vào)	+1000	

3. Cán cân thanh toán

Ví dụ về hạch toán kép

- Ví dụ 3: Một công dân Mỹ mua cổ phiếu của một công ty Anh với giá 95 đô-la. Công ty của Anh gửi số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu vào một ngân hàng của Mỹ.

	Ghi có	Ghi nợ
Mua cổ phiếu cyuar công ty Anh (Mỹ nhập khẩu tài sản, dòng vốn ra)		--95
Tăng tiền gửi của công ty Anh tại ngân hàng Mỹ (Mỹ xuất khẩu tài sản, dòng vốn vào)	++95	

3. Cán cân thanh toán

Các tài khoản của bảng cán cân thanh toán

- Bảng cán cân thanh toán được chia thành ba tài khoản:
 - Tài khoản vãng lai (TKVL)
 - Tài khoản vốn (TKV)
 - Tài khoản tài chính (TKTC)

3. Cán cân thanh toán

Các tài khoản của bảng cán cân thanh toán

- Tài khoản vãng lai
 - TKVL ghi lại các giao dịch liên quan đến thương mại hàng hóa và dịch vụ, thu nhập và thanh toán đầu tư và chuyển giao thu nhập một chiều.
 - Cán cân thương mại hàng hóa: cán cân thương mại là chênh lệch giữa xuất khẩu hàng hóa và nhập khẩu hàng hóa. Một nước có thể có thặng dư hay thâm hụt trong cán cân thương mại.
 - Cán cân tài khoản vãng lai: cán cân tài khoản vãng lai là chênh lệch giữa thu từ xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, thu nhập đầu tư và thu chuyển giao thu nhập trừ đi các khoản thanh toán cho nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, thanh toán thu nhập đầu tư và chi chuyển giao thu nhập.

3. Cán cân thanh toán

Các tài khoản của bảng cán cân thanh toán

- Tài khoản vốn
 - Tài khoản vốn ghi lại các giao dịch liên quan đến vốn và các tài sản đặc biệt.
 - Tài sản đặc biệt gồm các tài sản không phải là tài sản tài chính và không được sản xuất như các tài sản tài nguyên hay các tài sản marketing.
 - Các giao dịch vốn đặc biệt như miễn giảm nợ, viện trợ đầu tư hay tài sản đi cũng với người di cư.
 - Cán cân tài khoản vốn là chênh lệch giữa các khoản thu và chi liên quan đến các giao dịch vốn và tài sản đặc biệt.

3. Cán cân thanh toán

Tài khoản tài chính

- **Tài khoản tài chính** ghi lại các giao dịch liên quan đến các tài sản tài chính.
 - Dòng vào vốn tài chính: là việc bán tài sản trong nước cho người nước ngoài và được ghi vào bên có trong tài khoản tài chính..
 - Dòng ra vốn tài chính: việc mua các tài sản nước ngoài của các tổ chức và cá nhân thường trú trong nước và được ghi vào bên nợ.
- Tài khoản tài chính gồm hai thành phần là tài sản dự trữ và vốn tài chính khác.

3. Cán cân thanh toán

Tài khoản tài chính

- **Các dạng vốn đầu tư tài chính khác:** gồm tất cả các giao dịch về vốn không được tính đến trong tài sản dự trữ và tài khoản vốn.
 - Đầu tư trực tiếp nước ngoài: đầu tư vào trong nước và ra nước ngoài
 - Đầu tư danh mục: cổ phiếu và trái phiếu
 - Phái sinh tài chính: hợp đồng tương lai, quyền chọn, kỳ hạn...
 - Tiền gửi và tín dụng ngân hàng
 - Tiền mặt và các tài sản khác

3. Cán cân thanh toán

Tài khoản Tài chính

- **Tài sản dự trữ (Dự trữ quốc tế chính thức)**
- Tài sản dự trữ là các tài sản do cơ quan tiền tệ nắm giữ để can thiệp trên thị trường ngoại tệ và bù đắp mất cân bằng trong cán cân thanh toán quốc tế.
- Tài sản dự trữ gồm
 - Vàng
 - Ngoại tệ
 - SDR

3. Cán cân thanh toán

Đẳng thức cán cân thanh toán

- Do thực hiện hạch toán kép đối với tất cả các giao dịch kinh tế, đẳng thức dưới đây luôn được duy trì trên lý thuyết (Đẳng thức cán cân thanh toán):

$$\begin{aligned} &\text{Cán cân tài khoản vãng lai} + \\ &\quad \text{cán cân tài khoản tài chính} + \\ &\quad \text{cán cân tài khoản vốn} = 0 \end{aligned}$$

3. Cán cân thanh toán

Sai số thống kê

- **Sai số thống kê**

- Trong thực tế, đẳng thức cán cân thanh toán không được duy trì do có sai số và chênh lệch giữa các tài khoản.
- Chênh lệch và sai số xuất hiện do nhiều lý do khác nhau: buôn lậu, báo cáo không chính xác, sự không nhất quán về thời gian...
- Chênh lệch giữa các tài khoản trong bảng cán cân thanh toán được xem là sai số thống kê.
- Nếu sai số thống kê đủ nhỏ, bảng cán cân thanh toán được xem là đáng tin cậy và ngược lại.

3. Cán cân thanh toán

Cán cân thanh toán

- **Cán cân thanh toán (The official settlement balance or the balance of payment)** là tổng của cán cân tài khoản vãng lai, cán cân tài khoản vốn và cán cân tài khoản tài chính không bao gồm thay đổi trong tài sản dự trữ.
 - Cán cân thanh toán có thể có thặng dư (nếu cán cân thanh toán dương) hay thâm hụt (nếu cán cân thanh toán âm).
 - Thâm hụt trong cán cân thanh toán hàm ý rằng cung ngoại tệ nhỏ hơn cầu ngoại tệ, và được bù đắp bằng việc ngân hàng trung ương bán ngoại tệ ra thị trường.
 - Thặng dư trong cán cân thanh toán nói rằng cung ngoại tệ lớn hơn cầu về ngoại tệ. Ngân hàng trung ương mua vào ngoại tệ và làm tăng dự trữ ngoại tệ.

3. Cán cân thanh toán

Tài sản dự trữ

- **Dự trữ quốc tế (Dự trữ ngoại tệ)**
 - Dự trữ quốc tế chính thức (Official International reserves hay reserve assets) gồm ngoại tệ, trái phiếu nước ngoài, SDR và vàng.
 - Ngân hàng trung ương sử dụng dự trữ ngoại tệ để can thiệp vào thị trường ngoại tệ và bù đắp những mất cân bằng trong cung và cầu về ngoại tệ.
 - Ngân hàng trung ương bán ngoại tệ ra thị trường khi có thâm hụt trong cán cân thanh toán, và ngược lại mua vào ngoại tệ khi có thặng dư trong cán cân thanh toán.

3. Cán cân thanh toán

Bảng cán cân thanh toán của Mỹ 2003 I

TABLE 12-2 U.S. Balance of Payments Accounts for 2003 (billions of dollars)

	Credits	Debits
Current Account		
(1) Exports	+1,314.9	
Of which:		
Goods	+713.1	
Services	+307.4	
Income receipts	+294.4	
(2) Imports		-1,778.1
Of which:		
Goods		-1,260.7
Services		-256.3
Income payments		-261.1
(3) Net unilateral current transfers		-67.4
Balance on current account		-530.7
[(1) + (2) + (3)]		
Capital Account		
(4)		-3.1

3. Cán cân thanh toán

Bảng cán cân thanh toán của Mỹ II

TABLE 12-2 U.S. Balance of Payments Accounts for 2003 (billions of dollars)

	Credits	Debits
Financial Account		
(5) U.S. assets held abroad (increase -)		-283.4
Of which:		
Official reserve assets	+1.5	
Other assets		-284.9
(6) Foreign assets held in U.S. (increase +)	+829.2	
Of which:		
Official reserve assets	+248.6	
Other assets	+580.6	
Balance on financial account [(5) + (6)]	+545.8	
Statistical discrepancy [sum of (1) through (6) with sign reversed]		-12.0

Source: U.S. Department of Commerce, *Survey of Current Business*, July 2004. Totals may differ from sums because of rounding.

3. Cán cân thanh toán

Bảng cán cân thanh toán của Mỹ 2003 III

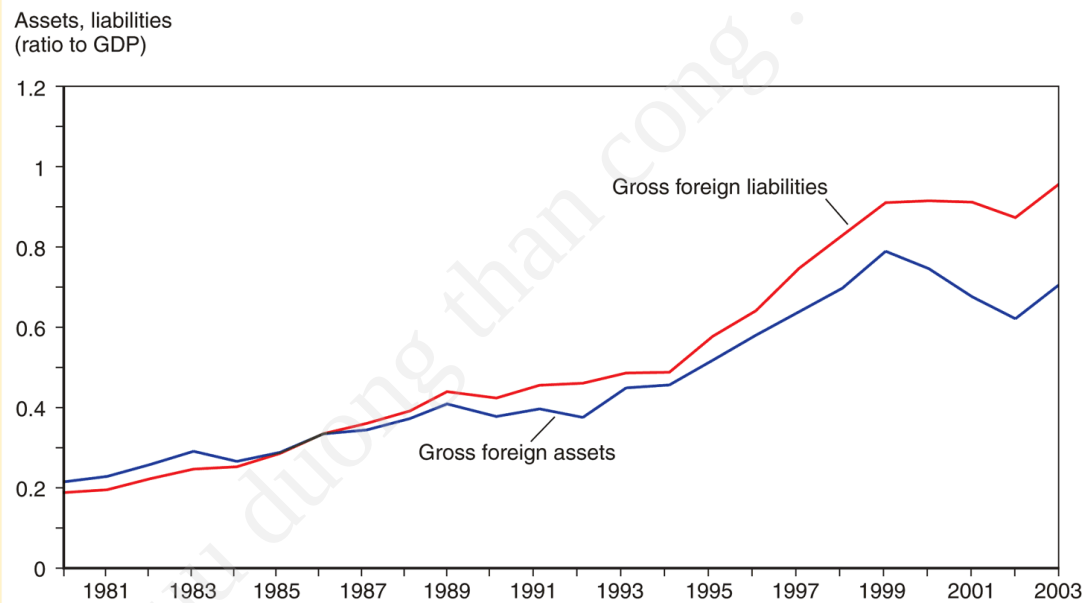


Figure 12-3

U.S. Gross Foreign Assets and Liabilities, 1980–2003

Note: Since 1980, both the foreign assets and the liabilities of the United States have increased sharply. But liabilities have risen more quickly, leaving the United States with a substantial net foreign debt.

Source: Philip R. Lane and Gian Maria Milesi-Ferretti, "Financial Globalization and Exchange Rates." Photocopy, Trinity College Dublin and IMF, June 2004.